

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

**CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

NGUYỄN TẮT ĐẠT (*)

Việt Nam là nước đa tôn giáo. Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng, bình đẳng giữa các tôn giáo, đoàn kết các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giành được thắng lợi to lớn trong hai cuộc kháng chiến, cũng như trong sự nghiệp đổi mới xây dựng phát triển đất nước hiện nay. Chính sách của Nhà nước đối với các tôn giáo là bình đẳng, không phân biệt tôn giáo. Tuy nhiên, mỗi tôn giáo có những đặc điểm riêng của mình nên Nhà nước Việt Nam có nhận thức và ứng xử phù hợp đối với tổ chức tôn giáo trong đó có Phật giáo. “Chính nội dung thần học làm cho tôn giáo này khác tôn giáo kia. Và sản phẩm của nó là các định chế giáo hội, các sinh hoạt tín ngưỡng và thành phần tín đồ, do đó cũng khác nhau. Vì vậy mà hành lang pháp lý và các chính sách tôn giáo phải đủ độ linh động và sắc sảo để ứng xử với các tôn giáo một cách khác nhau”⁽¹⁾.

Phật giáo có nhiều đặc điểm khác với các tôn giáo khác. Trong bài viết này, chúng tôi xin nêu một số điểm để độc giả tham khảo. *Thứ nhất*, Phật giáo là tôn giáo có thời gian du nhập, tồn tại ở Việt Nam lâu đời nhất so với các tôn giáo khác nên nó có ảnh hưởng sâu đậm trong văn hóa, tinh thần của nhân dân và sẽ còn

tiếp tục đồng hành cùng dân tộc. *Thứ hai*, Phật giáo vào Việt Nam theo con đường thương mại hoà bình chứ không theo đường chiến tranh hay là sự áp đặt tư tưởng thống trị của ngoại bang. *Thứ ba*, Phật giáo chưa gây ra chiến tranh tôn giáo hay xung đột ý thức hệ mà có công hộ quốc an dân, góp phần phát triển văn hóa dân tộc. *Thứ tư*, số tín đồ Phật giáo đông nhất, theo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, “về số lượng Phật tử, do các Tỉnh-Thành hội chưa thống kê cụ thể, nên đến nay Trung ương chỉ có thể tạm ước tính số lượng Phật tử trong cả nước theo đạo Phật khoảng 2/3 dân số hiện có”⁽²⁾. Nhưng theo Báo cáo của Ban Tôn giáo Chính phủ này 15 tháng 7 năm 2008, tín đồ Phật giáo có khoảng 11 triệu. Như vậy số công dân (số liệu của cơ quan nhà nước) Việt Nam theo Phật giáo chiếm khoảng 1/8 dân số. *Thứ năm*, Phật giáo không có tổ chức Giáo hội từ bên ngoài như Công giáo, không có liên quan đến nước lớn như Tin Lành giáo. *Thứ sáu*, trên thế giới chỉ có Phật giáo Việt Nam là tập hợp

*. ThS., Học viện Hành chính, Hà Nội.

1. Lê Mạnh Thích (chủ biên). *Phật giáo thời đại mới cơ hội và thách thức*. Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. TP. Hồ Chí Minh, 2005. tr. 821.

2. *Kỷ yếu 25 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam*. (1981-2007). tr. 24.

đoàn kết cả Bắc Tông, Nam tông, Khất sĩ trong một tổ chức giáo hội thống nhất. *Thứ bảy*, giáo lí Phật giáo là bao dung khai phóng có nhiều yếu tố triết học, khoa học, đạo đức. *Thứ tám*, Phật giáo Việt Nam trong thời hiện đại có nhiều đóng góp với sự nghiệp cách mạng của dân tộc do Đảng và Nhà nước lãnh đạo. Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Tăng, Ni, Phật tử đều hăng hái đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, còn một số Tăng sĩ thiếu thiện chí, có những hoạt động vi phạm pháp luật, gây khó khăn cho Phật giáo và Nhà nước. Trên đây là một số đặc điểm của Phật giáo Việt Nam và là một trong những lí do để Nhà nước có chính sách ứng xử thích hợp với Phật giáo qua các thời kì lịch sử.

Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương kêu gọi và tập hợp các lực lượng Phật giáo vào cuộc kháng chiến kiến quốc

Ngày 23 tháng 5 năm 1946, trong lúc nước sôi lửa bỏng, cả nước đang phải dồn sức đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp đã kí Quyết định cho phép thành lập Hội Việt Nam Phật giáo, và cho phép giữ nguyên điều lệ tôn chỉ mục đích của Hội Phật giáo Bắc Kỳ thành lập 1934. Ngoài ra, ở một số địa phương trong nước còn thành lập Hội Phật giáo cứu quốc như Hải Phòng, Thủ Dầu Một, v.v... Điều đó nói lên Nhà nước Việt Nam rất quan tâm đến nhu cầu tín ngưỡng Phật giáo của nhân dân, tập hợp lực lượng Phật tử trong các tổ chức để huy động họ tham gia giúp chính quyền cách mạng. Hồ Chí Minh với tư cách Chủ tịch nước, ngày 5 tháng 1 năm 1946 khi đến thăm chùa Bà Đá, một ngôi chùa nổi tiếng của Hà Nội đã nói: "Việc Phật không xa rời thế gian, phải tham gia vào công việc của cách

mạng, cứu đói, cứu dốt"⁽³⁾. Vì vậy, lực lượng Phật tử đã hăng hái đóng góp vào phong trào diệt giặc đói, diệt giặc dốt, phong trào hũ gạo kháng chiến. Nhiều Phật tử tham gia vệ quốc quân, có những Tăng sĩ Phật giáo cởi cà sa khoác chiến bào, tham gia Mặt trận Việt Minh: "Năm Ất Dậu 1945 hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến Ngài (Hoà thượng Minh Tịnh – Nhân Tế) tham gia Hội Phật giáo cứu quốc Thủ Dầu Một và được đề cử làm chủ tịch. Tháng 6 năm 1946 Ngài là thành viên Mặt trận Việt Minh tỉnh Thủ Dầu Một. Ngài đóng góp nhiều công lao cho cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam"⁽⁴⁾. Có những Phật tử thuần thành như Trần Duy Hưng tham gia kháng chiến và sau trở thành Chủ tịch UBND đầu tiên của thành phố Hà Nội.

Nhà nước chú trọng công tác hướng dẫn giáo dục Tăng, Ni, Phật tử tinh thần yêu nước, đoàn kết và tôn trọng pháp luật, đồng thời chăm sóc đời sống vật chất cho Tăng, Ni .

Đây là nhiệm vụ rất quan trọng trong công tác dân vận của Đảng và Nhà nước. Các tổ chức đảng và chính quyền các cấp đều có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chính sách, tự do tôn giáo của Đảng và Nhà nước, chính sách đoàn kết toàn dân, chính sách xây dựng nền văn hóa mới bài trừ tệ mê tín dị đoan cho Tăng, Ni, Phật tử, "Tăng cường việc giáo dục Tăng, Ni và giúp đỡ Tăng, Ni về đời sống"⁽⁵⁾ Trên thực tế, hàng năm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam trước đây và hiện nay là Giáo hội Phật

3. Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. *Tập văn Vu lan*, số 18, tháng 8/1990.

4. Thích Đồng Bổn (chủ biên). *Tiểu sử danh Tăng Việt Nam thế kỉ .xv*. T2. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2002, tr. 182.

5. Ban Chấp hành Trung ương. *Chỉ thị 217 ngày 9/7/1960 về công tác đối với Phật giáo*.

giáo Việt Nam thường phối hợp với với các cơ quan chức năng của Nhà nước mở các lớp ngắn hạn để tuyên truyền giáo dục Tăng, Ni về chính sách pháp luật, tình hình nhiệm vụ của đất nước và âm mưu thủ đoạn của các thế lực thiếu thiện chí lợi dụng Phật giáo để chia rẽ Giáo hội, chống phá Nhà nước.

Trong hoàn cảnh đất nước chiến tranh, cũng như trong thời kì khó khăn kinh tế của thời kì bao cấp, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến đời sống của Tăng, Ni, yêu cầu chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể giúp đỡ vật chất cho Tăng, Ni: “Đối với Tăng, Ni: đi đôi với công tác giáo dục nhằm nâng cao tinh thần yêu nước và lòng tin tưởng vào chính sách của Đảng và Chính phủ phải chú ý chăm sóc đời sống của Tăng, Ni, phải có biện pháp thiết thực giúp đỡ họ về cơ sở vật chất để họ có thể sản xuất tự túc ổn định đời sống. Phải tiến hành điều tra lập danh sách, bố trí những chùa có cơ sở vật chất là có người trụ trì và sắp xếp những người có sức lao động về cùng những người mất sức lao động để giúp đỡ nhau. Phải giải quyết tốt vấn đề lương thực. Các địa phương cần quan tâm giúp đỡ nhất là đối với Tăng, Ni già yếu, mất sức lao động”⁽⁶⁾.

Khi ban hành luật cải cách ruộng đất để phá sự tập trung đất của địa chủ chia cho dân cày thì ruộng đất của các tôn giáo đều nằm trong đối tượng phải trưng thu, hay tịch thu để chia cho nông dân. Nhưng chính sách của Nhà nước là phân biệt tu sĩ Phật giáo với thành phần địa chủ phong kiến, xem họ không phải đối tượng bóc lột phải trưng trị:

“Vườn đất, ao hồ, cây cối trong khu nội tự đều do tăng, ni chăm sóc và thu sản

phẩm. Nếu tăng, ni không đủ sức chăm sóc và yêu cầu giúp đỡ thì hợp tác xã cần giúp đỡ như xã viên. Đối với ruộng đất của chùa ở ngoài khu nội tự thì giải quyết như sau: trường hợp tăng, ni tự nguyện đưa vào hợp tác xã và tham gia lao động sản xuất thì hợp tác xã căn cứ vào khả năng lao động thực tế và điều kiện hoạt động tôn giáo của tăng, ni mà phân công cho thích hợp, cố gắng bảo đảm đời sống cho tăng, ni,...và có thể xét trợ cấp cho những tăng, ni mà đời sống có khó khăn”⁽⁷⁾.

Đảng và Nhà nước có chủ trương giúp đỡ Phật giáo thống nhất trong một tổ chức chung, hướng dẫn xây dựng đường hướng hành đạo và xây dựng bộ máy hành chính đạo

Hoà bình lập lại ở Miền Bắc, năm 1958 Đảng và Nhà nước giúp đỡ Phật giáo thành lập một tổ chức chung thống nhất, đó là Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, giúp xây dựng đường hướng hành đạo phù hợp với chế độ mới: “Ta đã giúp đỡ tăng, ni thành lập Hội Phật giáo Thống nhất ở Trung ương và một số tỉnh, đoàn kết tăng, ni trong một tổ chức duy nhất, và đi theo con đường yêu nước”⁽⁸⁾. Đây là chủ trương đúng của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Một mặt đáp ứng nguyện vọng của Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam: “Có thể khẳng định rằng ý thức thống nhất Phật giáo ở thời kì nào cũng luôn luôn được Tăng, Ni, Phật tử ấp ủ nuôi dưỡng”⁽⁹⁾. Mặt khác, việc thống nhất các

6. Thường vụ Hội đồng Chính phủ. *Thông báo số 37 ngày 24/9/1968.*

7. *Chỉ thị số 88-TTg ngày 26/4/1973 của Thủ tướng Về việc chấp hành chính sách đối với việc bảo vệ chùa thờ Phật và đối với tăng ni.*

8. Ban Chấp hành Trung ương. *Chỉ thị 217 về công tác đối với Phật giáo, ngày 9 tháng 7 năm 1960.*

tổ chức Phật giáo Việt Nam trong một tổ chức sẽ giúp cho Phật giáo tổ chức tốt các hoạt động Phật sự, lựa chọn được những Tăng sĩ chân tu đạo hạnh có tư tưởng yêu nước ủng hộ cách mạng vào trong ban lãnh đạo của Hội. Đồng thời loại bỏ những tổ chức, cá nhân lợi dụng Phật giáo để chống phá chính quyền hoặc tu hành không đúng chính pháp mang màu sắc mê tín dị đoan. “Cần chấp hành tốt chính sách tôn giáo, giáo dục và đối xử tốt với Tăng, Ni và giúp đỡ Tăng, Ni về đời sống, cô lập những phần tử xấu, lãnh đạo và giáo dục giới Phật giáo làm cho họ trở thành một tôn giáo yêu nước góp phần xây dựng Miền Bắc”⁽¹⁰⁾.

Sau khi đất nước thống nhất, nhận thấy những điều kiện cần và đủ để thành lập một tổ chức Phật giáo thống nhất trong toàn quốc và để đáp ứng nguyện vọng thống nhất Phật giáo của toàn thể Tăng, Ni, Phật tử cả nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã giúp đỡ vận động thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Thông tri 136 ngày 30/9/1981 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu rõ: “Để phù hợp với tình hình đất nước thống nhất, đáp ứng nguyện vọng của quần chúng Phật tử, tăng, ni nhiều hệ phái và để tập hợp các lực lượng Phật giáo, nhất là ở Miền Nam, trong một tổ chức duy nhất hoạt động yêu nước yêu chủ nghĩa xã hội theo đường lối của Đảng”⁽¹¹⁾.

Về đường hướng hành đạo, trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước, đường hướng hành đạo của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam là “Hoàng dương Phật pháp, lợi lạc quần sinh, phụng sự Tổ quốc, bảo vệ hoà bình”. Ngày nay cùng với Đảng và Nhà nước lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Giáo hội Phật giáo xây dựng phương châm: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Đường hướng hành đạo của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam và ngày nay là Giáo hội Phật giáo Việt Nam gắn liền với sự nghiệp của dân tộc, do đó đã động viên được Tăng Ni, Phật tử vừa làm tròn bổn phận của tín đồ vừa thực hiện nghĩa vụ của công dân đối với đất nước.

Đối với công tác xây dựng bộ máy hành chính đạo, Nhà nước tạo điều kiện để Giáo hội Phật giáo xây dựng và hoàn thiện các cấp Giáo hội ở khắp các địa phương trong nước. Khi thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam năm 1958 cả Miền Bắc mới có 10 tỉnh thành có Ban Trị sự, đến nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có Ban trị sự ở 54/ 63 tỉnh thành phố:

9. Thích Trí Quảng. *Hoài bão thống nhất Phật giáo Việt Nam đã trở thành hiện thực tốt đẹp*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2/2007, tr. 42.

10. Ban Chấp hành Trung ương. *Chỉ thị 217 ngày 9 tháng 7 năm 1960 về công tác đối với Phật giáo*.

11. Ban Chấp hành Trung ương. *Thông tri 136 ngày 30 tháng 9 năm 1981, về chủ trương thống nhất các tổ chức Phật giáo để thành lập tổ chức Phật giáo chung cả nước*.

Bảng 1: Bộ máy hành chính đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua các nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ	Hội đồng Chứng minh (Số lượng thành viên)	Hội đồng trị sự (Số lượng thành viên)	Cấp Giáo hội tại địa phương (Số lượng Ban Trị sự tỉnh, thành phố)	Ban ngành Giáo hội TW (Số lượng thành viên)
Nhiệm kỳ I	50	49	28	6
Nhiệm kỳ II	37	60	33	8
Nhiệm kỳ III	33	70	41	10
Nhiệm kỳ IV	67	94	45	10
Nhiệm kỳ V	84	95	47	10
Nhiệm kỳ VI	98	147	54	10

Nguồn: Trung tâm nghiên cứu và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tôn giáo. Tôn giáo và công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008.

Như vậy, cho đến nay cấp hành chính đạo của Giáo hội Phật giáo đã phủ gần hết các địa phương, chỉ còn 9 tỉnh thành phố là chưa có Ban Trị sự. Đây là bước tiến đáng kể của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Có bước phát triển như vậy là do nội lực của bản thân Giáo hội nhưng cũng không thể không nhắc đến sự trợ duyên rất lớn từ phía chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Đảng và Nhà nước Việt Nam giúp đỡ Phật giáo xây dựng cơ sở đào tạo Tăng tài và cơ sở thờ tự.

Phật giáo có tồn tại, có duy trì mạng mạch hay không là nhờ đội ngũ Tăng tài truyền đăng, tục diệt. Trước năm 1981, ở Miền Bắc chỉ có một trường Tu học Phật pháp Trung ương, sau năm 1981 được nâng lên thành trường Cao cấp Phật học Việt Nam với hai phân viện ở Hà Nội và ở TP.Hồ Chí Minh. Hiện nay Phật giáo đã có hệ thống cơ sở đào tạo từ Trung ương xuống đến cơ sở ở hầu hết các địa phương cả nước:

Bảng 2: Minh họa sự phát triển hệ thống cơ sở đào tạo tăng tài của Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua các kỳ đại hội

Cơ sở đào tạo	Trường sơ cấp Phật học	Trường trung cấp Phật học	Trường cao cấp Phật học, hiện nay là Học viện Phật giáo Việt Nam
Nhiệm kỳ I (1981- 1986)	các lớp sơ cấp		- Cao cấp Phật học Hà Nội - Cao cấp Phật học TP. Hồ Chí Minh
Nhiệm kỳ II (1987-1992)	các lớp sơ cấp	17 trường trung cấp Phật học	- Cao cấp Phật học Hà Nội - Cao cấp Phật học TP. Hồ Chí Minh
Nhiệm kỳ III (1993- 1997)	các lớp sơ cấp	25 trường trung cấp Phật học	- Học viện tại Hà Nội - Học viện tại Huế - Học viện tại TP.Hồ Chí Minh

Nhiệm kì IV (1998- 2002)	các lớp sơ cấp	25 trường trung cấp Phật học	-Học viện tại Hà Nội -Học viện tại Huế -Học viện tại TP. Hồ Chí Minh
Nhiệm kì V (2003-2007)	các lớp sơ cấp	30 trường trung cấp Phật học	-Học viện tại Hà Nội -Học viện tại Huế -Học viện tại TP. Hồ Chí Minh
Nhiệm kì VI (2008- 2012)	các lớp sơ cấp	28 trường trung cấp Phật học	04 Học viện: Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ

Nguồn: Kỉ yếu Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam 1981 và Kỉ yếu Đại hội đại biểu toàn quốc Phật giáo Việt Nam từ Đại hội II đến Đại hội VI.

Về cơ sở thờ tự, do sự xâm hại của thời gian, sự phá hoại của chiến tranh và vô ý thức của con người, nhiều chùa chiền, tự viện, niệm Phật đường bị hư nát và hoang phế nhiều. Sau khi đất nước thống nhất, nhất là sau khi Nhà nước thực hiện chính sách đổi mới về tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng Phật giáo đã được chính quyền

tạo điều kiện về nhiều mặt như cấp đất, thủ tục cấp giấy phép xây dựng, huy động các nguồn kinh phí nên số lượng cơ sở thờ tự của Phật giáo được tu sửa, xây dựng mới ngày càng nhiều với quy mô hoành tráng như chùa Bái Đính, Thiền viện Tây Thiên, Yên Tử, v.v...

Bảng 3: Thống kê cơ sở thờ tự của Phật giáo qua các nhiệm kì của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Nhiệm kì	Tổng số tự viện	Tự viện Bắc tông	Tự viện Nam tông	Tự viện Khất sĩ
Nhiệm kì I (1981- 1986)	Chưa thống kê			
Nhiệm kìII (1987-1992)	Chưa thống kê			
Nhiệm kìIII (1993- 1997)	8463	7658	563	242
Nhiệm kìIV (1998- 2002)	14048	10383	469	516
Nhiệm kìV (2003-2007)	14321	12036	539	918
Nhiệm kìVI (2008- 2012)	14775	13665	570	540

Nguồn: Kỉ yếu Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam 1981 và Kỉ yếu Đại hội đại biểu toàn quốc Phật giáo Việt Nam từ Đại hội II đến Đại hội VI.

Từ những số liệu trên chúng ta thấy cơ sở thờ tự của Phật giáo tăng nhanh chóng, nhất là Bắc tông, đây là biểu hiện nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân, đồng

thời cũng thể hiện chính sách của Nhà nước ngày càng thông thoáng hơn đáp ứng nhu cầu của Giáo hội và nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của nhân dân. Trong các

dịp lễ hội, nhất là tết cổ truyền của dân tộc chính quyền địa phương kết hợp với các cơ sở chùa chiền của Phật giáo mở cửa tổ chức lễ hội cho nhân dân vừa thoả mãn nhu cầu tâm linh, vừa phát triển kinh tế địa phương vừa đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, cảnh quan du lịch.

Trong công tác đối ngoại tôn giáo, Nhà nước hướng dẫn giúp đỡ Giáo hội Trung ương tổ chức các Đại hội Phật giáo trong nước và cùng Giáo hội Phật giáo tổ chức đại hội Phật giáo có tính chất quốc tế như đại lễ Vesak. Nhà nước cũng cho phép nhiều Tăng, Ni sinh ra nước ngoài học tập và tạo điều kiện thuận lợi để Giáo hội Phật giáo Việt Nam mở các cơ sở Phật giáo ở nước ngoài.

Quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với Phật giáo Miền Nam sau năm 1975

Phật giáo Miền Nam có nhiều hoạt động sôi nổi trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo. Trong cuộc đấu tranh thống nhất đất nước Phật giáo Miền Nam đã có nhiều đóng góp to lớn. Điển hình như phong trào đấu tranh của Phật giáo chống chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963 với tấm gương Bồ tát Thích Quảng Đức. Đóng góp của Phật giáo Miền Nam nổi bật trên hai điểm. *Một là,* trong khi quân giải phóng và nhân dân Miền Nam thực hiện tấn công và nổi dậy trên khắp Miền Nam, thì ngay tại các đô thị trung tâm và tại sào huyệt của ngụy quyền Sài Gòn, Phật giáo liên tiếp xuống đường đấu tranh làm mất ổn định nội bộ ngụy quyền, rối loạn hậu phương buộc chúng phải đối phó lao đao vất vả. *Hai là,* cuộc đấu tranh của Phật giáo làm cho phong trào cách mạng phát triển thuận lợi, có thêm đồng minh tin cậy. Tuy vậy, theo chúng tôi, Phật giáo Miền Nam còn có bộ phận vận động theo con đường thứ ba,

một mặt, phản đối chính quyền Mỹ - Ngụy nhưng trung lập với cách mạng, mặt khác, muốn thành lập một chính quyền với sự tham gia đa số của Phật giáo hay những người có xu hướng thân Phật giáo. Đây chính là tính phức tạp của Phật giáo Miền Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: “Trước năm 1980, ở các tỉnh phía Nam có tới 20 tổ chức tông phái lớn nhỏ. Trong các tông phái này có một bộ phận đã bị đế quốc lợi dụng, tách ra hoạt động riêng rẽ, đi ngược lại mục đích chân chính của đạo Phật”⁽¹²⁾. Bên cạnh đó một số tăng sĩ, nhất là tăng sĩ trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất có quyền lợi gắn với chế độ cũ đã có những phản ứng tiêu cực. “Ở Miền Nam chia thành nhiều tổ chức, hệ phái đang tìm cách mở rộng hoạt động tôn giáo. Đáng chú ý là Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất (Ấn Quang) vốn bị đế quốc và phản động lợi dụng chống cách mạng, mấy năm qua tuy đã được cải tạo một bước quan trọng nhưng bọn phản động còn chi phối ban lãnh đạo giáo hội tiếp tục hoạt động chống phá. Ở vùng đồng bào Khơme vấn đề Phật giáo gắn liền vấn đề dân tộc, cần được giải quyết đúng đắn đảm bảo yêu cầu đoàn kết dân tộc”⁽¹³⁾. Nhận định trên đây là khách quan đúng đắn. Tuy nhiên, theo chúng tôi, để sát thực tế hơn nên nhận thức thêm về Phật giáo Ấn Quang. Phật giáo Ấn Quang nói chung có nhiều thành tích đóng góp cho cuộc đấu tranh chống chế độ Ngụy quyền Sài Gòn, nhưng có một bộ phận tăng sĩ hoặc có quyền lợi gắn với

12. Ban Tuyên giáo Trung ương. *Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng cộng sản Việt Nam*. Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội, 2008, tr. 45.

13. Ban Chấp hành Trung ương. *Thông tri 136*. Ngày 30 tháng 9 năm 1981, tr. 1.

chế độ cũ, hoặc bị lợi dụng, hoặc vì động cơ cá nhân nên có thái độ tiêu cực chống đối cách mạng chứ không phải toàn bộ Phật giáo Ấn Quang. Về phía Nhà nước, tiếp tục khẳng định chính sách tự do tôn giáo trên văn bản pháp lí và thực hiện trong cuộc sống, đấu tranh bằng dân vận và pháp luật với những phần tử mạo danh Giáo hội Phật giáo Thống nhất trên thực tế đã không còn tồn tại để bảo vệ đoàn kết thống nhất Phật giáo. Đồng thời tạo điều kiện cho các tăng sĩ, Phật tử Việt Nam ở nước ngoài về thăm Việt Nam chứng kiến công cuộc đổi mới đất nước để họ thay đổi nhận thức về sự thật tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Có thể nói suốt thời kì kháng chiến và trong thời kì xây dựng phát triển đất nước thống nhất, Đảng và Nhà nước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong chính sách và thực hiện chính sách đối với tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Từ đó đã đoàn kết được toàn dân tộc, động viên các tín đồ, chức sắc tôn giáo tin tưởng hăng hái tham gia đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của phong trào tả khuynh trên thế giới nên "Những người cộng sản Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng một phần khuynh hướng tả khuynh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đặc biệt trong giai đoạn chiến tranh lạnh, trước hết là Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc về vấn đề tôn giáo"⁽¹⁴⁾.

Nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm nhận ra những hạn chế của mình trong chính sách tôn giáo và kịp thời sửa đổi những điều còn bất cập cho phù hợp với yêu cầu của thời đại.

Đổi mới quan điểm nhận thức về tôn giáo, trong đó có Phật giáo

Trong thời kì đổi mới, nhất là từ năm 1990 đến nay, đứng trước tình hình thế giới thay đổi, tình hình kinh tế xã hội trong nước đặt ra yêu cầu và nhiệm vụ mới, Đảng và Nhà nước thấy cần thiết phải có sự đổi mới nhận thức về tôn giáo và chính sách tôn giáo. Ngày 16/10/1990 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 24- NQ/BCT về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới; Tiếp đó Chỉ thị số 37 - CT/BCT ngày 2/7/1998 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới, rồi đến Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 18/6/2004; Nghị định số 22/NĐ- CP của Chính phủ ngày 01/3/2005 quy định chi tiết về thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng tôn giáo, v.v... Các văn bản này đã thể hiện được đường lối đổi mới của Đảng về tôn giáo.

Trước hết, Nhà nước xem tôn giáo trong đó có Phật giáo là bộ phận của văn hóa dân tộc, văn hóa Phật giáo góp phần làm phong phú văn hóa dân tộc. Đảng và Nhà nước nhìn nhận tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng trong mối quan hệ với đạo đức. Trên phương diện đạo đức, Phật giáo hướng dẫn con người tới tình thương yêu đồng loại, bao dung, nhân ái, bảo vệ môi trường. Phật giáo răn dạy tín đồ không trộm cắp, sống trung thực. Tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, đạo đức có nhiều điều phù hợp gần với đạo đức của xã hội mới, tôn giáo sẽ còn tồn tại lâu dài trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đổi mới về công tác tôn giáo

Trước đây, do nhận thức về tôn giáo gắn với cuộc đấu tranh về tư tưởng và

14. Đỗ Quang Hưng. *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam lí luận và thực tiễn*. Nxb. Lí luận chính trị, Hà Nội, 2008, tr. 274.

chính trị nên công tác tôn giáo là công tác đấu tranh. Để đấu tranh có hiệu quả, thì các công cụ chuyên chính có vai trò quan trọng trong công tác tôn giáo. Hiện nay, Nhà nước đặt tôn giáo trong mối quan hệ với văn hóa, với đạo đức và nhu cầu tâm linh, tinh thần của một bộ phận nhân dân. Trong tình hình hiện nay, Đảng và Nhà nước đã đổi mới nhận thức về công tác tôn giáo. Trọng tâm của công tác tôn giáo là công tác dân vận. Về phía Nhà nước có Ban Tôn giáo Chính phủ là cơ quan quản lý Nhà nước về tôn giáo nằm trong Bộ Nội vụ. Về phía Đảng có Ban Dân vận Trung ương, nơi thực hiện chính sách dân vận của Đảng, trong đó có công tác dân vận. Về phía các đoàn thể xã hội có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nơi tập hợp và vận động các chức sắc và tín đồ các tôn giáo, trong đó có Tăng, Ni, Phật tử trong nước và nước ngoài thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng, đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết Phật giáo và đoàn kết Phật giáo với các tôn giáo khác, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo.

Hiện nay, Nhà nước tiến tới quản lý các tổ chức tôn giáo bằng pháp luật. Nhiều văn bản pháp luật có quy định về tôn giáo được ban hành. “Chỉ trong vòng hơn mười năm, hàng trăm văn bản đã được Nhà nước Việt Nam ban hành có nội dung điều chỉnh lĩnh vực tôn giáo,... Nếu trước đây văn bản pháp luật tôn giáo được ban hành dưới hình thức Sắc lệnh,

Nghị quyết, Sắc luật, thì giai đoạn này nhiều Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư được ban hành”⁽¹⁵⁾. Pháp luật về tôn giáo từ 1990 đến nay theo chúng tôi có một số điểm mới sau đây:

Một là, khuyến khích hoạt động từ thiện của tôn giáo. Nhà nước công nhận vai trò của các tổ chức tôn giáo đối với xã hội. Nhà nước cũng thấy các tổ chức tôn giáo là lực lượng đáng kể có thể huy động để giải quyết các vấn đề xã hội. *Hai là*, các quy định của Nhà nước trong quản lý tôn giáo cũng thông thoáng hơn, bầu cử suy cử, phong chức phong phẩm, bổ nhiệm trước đây được Thủ tướng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, nay Nhà nước chỉ đặt ra tiêu chuẩn về tư cách công dân để các tổ chức tôn giáo tự lựa chọn và sau đó đăng kí hoạt động với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nhưng điều đáng nói là tuy các quy định về tôn giáo được luật hoá nhưng việc tuyên truyền phổ biến và thực hiện trong cuộc sống còn hạn chế. Do đó, trong thời gian tới Nhà nước cần phối hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam làm tốt công tác tuyên truyền pháp luật thì chủ trương quản lý tôn giáo, trong đó có Phật giáo bằng pháp luật sẽ được thực hiện tốt hơn trong thực tiễn. /

15. Nguyễn Khắc Huy. *Pháp luật tôn giáo ở Việt Nam từ năm 1990 đến nay*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo số 1/2007, tr. 35.